

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 59/2005/QĐ-TTg

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2005***QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**
Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với
Quỹ hỗ trợ phát triển**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 50/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển.

Điều 2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện bản Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 232/1999/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển.

Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2005.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**Phan Văn Khải**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUY CHẾ****QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN**

(ban hành kèm theo Quyết định số 59/2005/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ).

*Chương I***QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Quy chế này áp dụng đối với hoạt động quản lý tài chính của hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển.

Điều 2. Quỹ hỗ trợ phát triển là một tổ chức tài chính nhà nước hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong nước, ngoài nước và được tổ chức thanh toán với khách hàng có quan hệ trực tiếp và tham gia hệ thống thanh toán theo quy định của pháp luật.

Quỹ hỗ trợ phát triển là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống; thực hiện thu, chi và quyết toán thu chi tài chính theo chế độ quy định tại Quy chế này; được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện nhiệm vụ huy động vốn trung và

dài hạn, tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn của Nhà nước dành cho tín dụng đầu tư phát triển để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 4. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động thu, chi tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển.

*Chương II***VỐN, QUỸ VÀ TÀI SẢN**

Điều 5. Các nguồn vốn hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển

1. Vốn ngân sách nhà nước:

- a) Vốn Điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển;
- b) Vốn ngân sách nhà nước cấp hàng năm;
- c) Vốn các dự án, chương trình của Chính phủ;
- d) Vốn của Chính phủ Việt Nam cho các dự án nước ngoài vay theo Hiệp định của Chính phủ.

Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Vốn huy động:

a) Phát hành trái phiếu;

b) Vốn vay của các tổ chức (kể cả của Quỹ bảo hiểm xã hội Việt Nam và quỹ tiết kiệm bưu điện), cá nhân trong nước và quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài;

c) Vay nước ngoài cho các dự án, do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Vốn vay nợ, viện trợ nước ngoài của Chính phủ dùng để cho vay lại theo ủy thác của Bộ Tài chính.

4. Vốn huy động hợp pháp khác.

5. Vốn nhận ủy thác cấp phát, cho vay đầu tư phát triển của các địa phương, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 6. Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm về việc quản lý an toàn, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn của Quỹ.

Quỹ hỗ trợ phát triển được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản trong phạm vi hệ thống của Quỹ theo quy định để phục vụ cho việc phát triển hoạt động của hệ thống Quỹ.

Điều 7. Quỹ hỗ trợ phát triển được trích lập quỹ dự phòng rủi ro vào chi phí hoạt động nghiệp vụ để bù đắp những tổn thất, thiệt hại do nguyên nhân khách

quan trọng quá trình cho các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, các dự án được bảo lãnh tín dụng đầu tư từ Quỹ. Mức trích hàng năm tối đa bằng 0,2% trên dư nợ bình quân cho vay đầu tư, nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng đầu tư.

Nếu cuối năm không sử dụng hết thì khoản dự phòng này được để lại bù đắp rủi ro cho những năm sau. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp các khoản tổn thất, Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định biện pháp xử lý.

Việc trích lập, sử dụng và thẩm quyền xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 8. Hàng năm, Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; việc huy động các nguồn vốn với lãi suất thị trường để cho vay đầu tư phải bảo đảm nguyên tắc chỉ huy động khi đã sử dụng tối đa các nguồn vốn không phải trả lãi hoặc huy động với lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường và phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, tránh để đọng vốn lớn.

Khi thực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước giao, Quỹ hỗ trợ phát triển được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất. Mức cấp bù được xác

định trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất hòa đồng các nguồn vốn với lãi suất cho vay và phí quản lý của Quỹ hỗ trợ phát triển.

Điều 9. Phí quản lý hàng năm của Quỹ hỗ trợ phát triển được xác định bằng 30% trên số thu nợ lãi cho vay. Tỷ lệ trích phí này được ổn định trong 3 năm.

Phí quản lý cho vay lại đối với nguồn vốn tín dụng nước ngoài (ODA) thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chỉnh mức phí quy định tại Quy chế này và báo cáo Thủ tướng Chính phủ nội dung xử lý.

Điều 10. Quỹ hỗ trợ phát triển được ngân sách nhà nước cấp tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 11. Các nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển Quỹ hỗ trợ phát triển được sử dụng:

1. Cho vay đầu tư và cho vay dự án theo Hiệp định của Chính phủ.
2. Cho vay ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu.
3. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.
4. Thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng đầu tư.
5. Trả nợ vốn huy động.

6. Thực hiện nghiệp vụ ủy thác, nhận ủy thác.

7. Thực hiện những nhiệm vụ khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển được hình thành từ các nguồn: khấu hao tài sản cố định, quỹ đầu tư phát triển, vốn ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm và các nguồn hợp pháp khác.

2. Tỷ lệ trích khấu hao tài sản cố định; việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định; nhượng bán, thanh lý tài sản; kiểm kê và đánh giá lại tài sản của Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện theo quy định như đối với doanh nghiệp nhà nước.

Điều 13. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí, theo các quy định sau:

1. Mua bảo hiểm tài sản và các chế độ bảo hiểm khác liên quan đến vốn, tài sản theo quy định.
2. Vốn tạm thời nhàn rỗi được gửi tại các ngân hàng trong nước hoặc Kho bạc Nhà nước.
3. Trong trường hợp cần thiết, Quỹ hỗ trợ phát triển được phép mua lại trái phiếu do Quỹ phát hành theo quy định hiện hành.

LawSoh * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

4. Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Chương III

THU - CHI TÀI CHÍNH

Điều 14. Thu nhập của Quỹ hỗ trợ phát triển

1. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ:
 - a) Thu lãi cho vay;
 - b) Thu lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong nước hoặc Kho bạc Nhà nước;
 - c) Thu phí quản lý cho vay (bao gồm: vốn trong nước, vốn ODA);
 - d) Thu cấp bù chênh lệch lãi suất do ngân sách nhà nước cấp;
 - đ) Thu phí nhận ủy thác cấp phát vốn, cho vay lại;
 - e) Thu phí dịch vụ thanh toán;
 - g) Thu hoạt động nghiệp vụ, dịch vụ khác.
2. Thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản.
3. Thu nhập từ hoạt động khác:
 - a) Các khoản thu phạt;
 - b) Thu thanh lý, nhượng bán tài sản (sau khi loại trừ các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán);
 - c) Thu các khoản nợ đã xóa nay thu hồi được;
 - d) Các khoản thu nhập hợp pháp khác.

Điều 15. Chi phí của Quỹ hỗ trợ phát triển

1. Chi hoạt động nghiệp vụ:
 - a) Chi trả lãi vốn huy động;
 - b) Chi trả lãi tiền gửi của khách hàng tại Quỹ;
 - c) Chi phí huy động vốn;
 - d) Chi phí thanh toán;
 - đ) Chi phí ủy thác;
 - e) Chi phí dự phòng rủi ro;
 - g) Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ.
2. Chi phí quản lý:
 - a) Chi lương, phụ cấp lương theo chế độ. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chế độ tiền lương của Quỹ hỗ trợ phát triển;
 - b) Chi bảo hiểm xã hội, y tế, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định;
 - c) Chi ăn giữa ca. Mức chi mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu Nhà nước quy định cho công nhân viên chức;
 - d) Chi trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc. Mức trích như quy định đối với doanh nghiệp nhà nước;
 - đ) Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý làm việc bán chuyên trách;
 - e) Chi trang phục giao dịch, mức chi do Bộ Tài chính hướng dẫn;

g) Chi phương tiện bảo hộ lao động theo quy định;

h) Chi phí khấu hao tài sản cố định. Mức trích như quy định đối với doanh nghiệp nhà nước;

i) Bưu điện phí, bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định, mua sắm công cụ lao động, vật tư văn phòng, chi nghiệp vụ kho quỹ, bốc vác vận chuyển, điện nước, y tế, vệ sinh cơ quan, xăng dầu, công tác phí, chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến;

k) Chi phí tuyên truyền, họp báo, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị. Các khoản chi này không quá 5% tổng chi phí;

3. Chi hoạt động tài chính:

a) Chi phát hành trái phiếu Chính phủ;

b) Chi phí thuê tài sản.

4. Các khoản chi khác:

a) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, bảo đảm số chi phải thấp hơn số tiền nợ đã xóa thu hồi được;

b) Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định;

c) Chi bảo hiểm tài sản và chi các loại bảo hiểm khác theo quy định;

d) Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản (nếu có) sau khi đã loại trừ các khoản thu về thanh lý, nhượng bán tài sản;

đ) Chi hỗ trợ Đảng, đoàn thể của Quỹ hỗ trợ phát triển;

e) Các khoản chi phí khác.

Điều 16. Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện hạch toán chi phí đúng chế độ quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của các khoản chi; thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.

Điều 17. Các khoản chi phí không được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển:

1. Các khoản thiệt hại đã được Chính phủ hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.

2. Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt vi phạm chế độ tài chính.

3. Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định.

4. Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.

Chương IV

CHÊNH LỆCH THU CHI TÀI CHÍNH VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 18. Chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm là kết quả hoạt động tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển, được xác định giữa tổng thu nhập trừ đi tổng chi phí phát sinh trong năm.

Điều 19. Phân phối chênh lệch thu chi tài chính

Chênh lệch thu chi tài chính hàng năm sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy

định của pháp luật, được phân phối như sau:

1. Trích 50% vào quỹ đầu tư phát triển.
2. Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Mức trích hai quỹ thực hiện theo quy định như đối với doanh nghiệp nhà nước.
3. Số còn lại sau khi trích lập các quỹ trên được bổ sung vốn điều lệ.
4. Số dư của quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ đến thời điểm Quy chế này có hiệu lực được kết chuyển vào quỹ dự phòng rủi ro.

Điều 20. Kế hoạch tài chính và tiền lương hàng năm của Quỹ hỗ trợ phát triển được Hội đồng quản lý thông qua, bao gồm:

1. Kế hoạch nguồn và sử dụng vốn.
2. Kế hoạch cấp phát từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động ưu đãi: mức cấp bù chênh lệch lãi suất và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.
3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
4. Kế hoạch thu - chi tài chính.
5. Kế hoạch biên chế, quỹ lương.

Điều 21. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm gửi các báo cáo kế hoạch quy định tại Điều 20 của Quy chế này cho các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành.

Điều 22. Quỹ hỗ trợ phát triển phải thực hiện chế độ kế toán, thống kê hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Năm tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 23. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo nghiệp vụ, báo cáo thống kê, báo cáo kế toán và các báo cáo định kỳ, đột xuất khác theo quy định hiện hành và theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Báo cáo quyết toán thu chi tài chính hàng năm của Quỹ hỗ trợ phát triển được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và gửi Bộ Tài chính xem xét, kiểm tra theo chức năng của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 24.

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ hỗ trợ phát triển phải được kiểm toán bắt buộc theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ, công khai kết quả hoạt động tài chính hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về số liệu đã công bố./.

Chương V

**CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ,
KIỂM TOÁN**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải